

MỘT SỐ THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM CỦA NGOẠI GIAO VIỆT NAM THỜI KỲ CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

PGS, TS VŨ QUANG VINH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TS NGUYỄN THỊ LAN

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Ngày nhận:

26-9-2023

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-12-2023

Ngày duyệt đăng:

25-1-2024

Tóm tắt: “Đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất của cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”¹. Thực hiện chủ trương của Đảng, ngoại giao Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) đã trưởng thành vượt bậc, góp phần vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, thống nhất đất nước. Những thành tựu cơ bản của ngoại giao Việt Nam, những bài học kinh nghiệm quý giá đúc kết từ thực tiễn lịch sử kháng chiến luôn là niềm tự hào của Đảng và nhân dân cả nước.

Từ khóa:

Ngoại giao Việt Nam;

chống Mỹ cứu nước;

thống nhất đất nước;

1954-1975

1. Những thành tựu cơ bản

Nghiên cứu thực tiễn hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước, ngoại giao nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) có thể khái quát một số thành tựu:

Một là, kịp thời đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hòa với dòng chảy chính của những biến đổi cách mạng toàn cầu, đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại, vì hòa bình, dân sinh, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đề hướng tới một phương thức liên kết đa dạng như mong muốn, trong bối cảnh có sự chuyển hóa lực lượng phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho ngành ngoại giao: “Bây giờ ngoại giao của ta ngày càng khó, ta phải làm sao công tác cho tốt. Ta có chính sách đúng đắn, phải làm sao vui lòng được mọi người, làm vui lòng được từ người bình nhất, bình nhì. Tuy không được lòng họ 100% nhưng không được làm mất lòng ai 100%, vì

cách mạng của ta phải dựa vào họ giúp đỡ. Ta phải luôn giúp đỡ họ và mong cho tất cả đều đoàn kết”²; “Ngoại giao của ta là cốt tranh thủ nhiều người ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của ta”³.

Chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, “gạn đục khơi trong” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng trở thành nhân tố quan trọng trong đường lối tập hợp lực lượng quốc tế chống chính sách mở rộng chiến tranh đi đôi với hòa bình giả tạo của chính quyền Mỹ. Đồng thời sách lược đấu tranh và tranh thủ lực lượng trung gian của ta đã thu hẹp xu hướng thân Mỹ, sợ Mỹ và mơ hồ về cuộc chiến tranh, góp phần tạo ra chuyển biến lực lượng có lợi cho ta, thể hiện trước hết ở các diễn đàn quốc tế như: Liên Hợp quốc, Phong trào Không liên kết và các diễn đàn tổ chức khu vực khác.

Phong trào chống chiến tranh Việt Nam không những đã thu hút ngày càng đông đảo các tầng lớp lao động và giới trẻ mà còn tranh thủ nhiều chính giới và các nhân vật hoạt động chính trị, xã hội nổi tiếng khắp nơi trên thế giới. Thủ tướng Thụy Điển Olof Palmer đã dẫn đầu đoàn biểu tình phản đối Mỹ ném bom Hà Nội. Hội nghị quốc tế Stockholm về Việt Nam (7-1967), quy tụ hàng trăm học giả, nhà khoa học và các nhân vật nổi tiếng khác lên án Mỹ, ủng hộ Việt Nam. Tòa án Quốc tế Bertrand Russell thành lập tháng 5-1967 ở Stockholm và tháng 11-1967 ở Copenhagen đã đưa ra xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Trong phiên đầu tiên, Tòa án đi đến kết luận Mỹ đã phạm tội ác chống nhân loại bằng cuộc chiến tranh xâm lược hủy diệt ở Việt Nam.

Trong thời kỳ này còn có hàng nghìn phong trào hoạt động “Vì Việt Nam” như mít tinh, hội thảo, nêu kiến nghị, quyên góp, hiến máu nhân đạo, thậm chí cả việc đăng ký người tình

nguyên sang Việt Nam chiến đấu... được tiến hành ở nhiều nước khắp năm châu lục.

Điểm nổi bật của phong trào này là ngày càng có nhiều tổ chức xã hội, tôn giáo, nhà trường... trước đây ít tham gia vào những vấn đề chính trị quốc tế, nhất là đối đầu với Mỹ, cũng tham gia hoạt động ủng hộ Việt Nam, lên án nhà cầm quyền Mỹ tăng cường chiến tranh và lừa bịp hòa bình. Giáo hoàng Phaolô VI cũng gửi thư cho Tổng thống L. Johnson đòi chấm dứt ngay việc ném bom miền Bắc Việt Nam. Các hội Phật giáo cũng lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ lập trường bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lập trường năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đòi giải quyết vấn đề độc lập, thống nhất của Việt Nam trên cơ sở hòa bình theo Hiệp định Geneve.

Hai là, tạo ra hậu phương quốc tế khá vững chắc, hậu thuẫn cho cuộc chiến đấu lâu dài của “dân tộc nhỏ đánh thắng đế quốc to”, đồng thời góp phần đáng kể làm rối loạn hậu phương của thế lực xâm lược.

Vấn đề hậu phương thường được coi là một nhân tố quyết định thành bại của các bên tham chiến. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc Việt Nam là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam. Miền Bắc được giải phóng sau gần 10 năm chiến tranh chống thực dân xâm lược, có ý chí tự lực tự cường cao, nhất là về nhân lực, nhưng tiềm lực còn rất yếu kém, không thể thỏa mãn yêu cầu cao về vật chất, khí tài và phương tiện quân sự để chống lại một kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Trong tình hình đó, để đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược hiện đại của cường quốc hàng đầu phương Tây, vấn đề tạo dựng hậu phương quốc tế trở thành vấn đề sống còn đối với cuộc kháng chiến.

Nhân dân Việt Nam bước vào cuộc chiến đấu trong hoàn cảnh các nước XHCN anh em, nhất là Liên Xô, Trung Quốc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lâm vào bất đồng. Đội ngũ đồng minh chiến lược, lực lượng rường cột cho hậu phương quốc tế của ta đang trong tình thế lúng túng, suy yếu. Mỹ cũng rất quan tâm khai thác nhân tố này phục vụ cho mưu đồ triển khai cuộc “chiến tranh bóp nghẹt” từ xa, hòng làm cho Việt Nam không còn khả năng nhận được sự ủng hộ, chi viện quốc tế thỏa đáng, suy yếu sức mạnh kháng chiến.

Thành tựu lớn của ngoại giao Việt Nam (1954-1975) là trong bối cảnh phức tạp của quan hệ quốc tế, thuận lợi đan xen khó khăn, đối phương tìm mọi cách thực hiện mưu đồ cô lập, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã nêu cao ngọn cờ “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ” với sách lược khôn khéo trong đối ngoại đã từng bước xây dựng và củng cố được hậu phương quốc tế, tạo thêm sức mạnh cho công cuộc kháng chiến, góp phần làm thay đổi cục diện quốc tế theo hướng có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta, đóng góp trực tiếp làm thay đổi tương quan lực lượng về tinh thần và vật chất trên chiến trường, để từng bước giành thắng lợi ngày càng lớn hơn.

Hậu phương quốc tế của ta ngày càng được củng cố và mở rộng, phong trào thế giới chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ngày càng lên cao, tác động lớn đến diễn biến quốc tế; còn hậu phương chiến tranh của Mỹ ngày càng trở nên bất ổn, đi đến rối loạn, thể hiện trước hết ở việc lực lượng đồng minh ủng hộ Mỹ, lực lượng trung gian có lợi cho Mỹ ngày càng thu hẹp. Phong trào phản chiến ở Mỹ phát triển lên đến đỉnh điểm đã gây ra những hệ quả bất lợi cho Nhà Trắng và Lầu Năm Góc trong việc điều hành chính sách tăng cường, mở rộng chiến

tranh. Bộ máy chiến tranh của Mỹ trở nên bị cô lập hơn bao giờ hết.

Ba là, trực diện tấn công, tạo thế trận mới buộc đối phương phải từ bỏ mục tiêu chiến tranh.

Với tư cách là cường quốc số một phương Tây, có sức mạnh hàng đầu về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhằm vô hiệu hóa Hiệp định Geneve, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành “quốc gia phụ thuộc” của Mỹ, căn cứ quân sự hàng đầu ở Đông Nam Á; chống lại phong trào độc lập dân tộc đang có xu hướng thoát khỏi sự lệ thuộc vào các cường quốc thực dân phương Tây và ngăn chặn ảnh hưởng ngày càng lan rộng của CNXH trên toàn cầu.

Nhận rõ thế và lực của đối phương trong cuộc đụng đầu lịch sử, Đảng vạch rõ chỗ yếu cơ bản nhất của địch từ trước đến nay vốn là chính trị, bao gồm chính trị đối nội và chính trị đối ngoại. Vì vậy, đi đôi với thúc đẩy đấu tranh vũ trang, coi quân sự là mặt trận hàng đầu, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng mặt trận đấu tranh ngoại giao, nhất là sử dụng mọi biện pháp chính trị đối ngoại để khai thác đúng mức nhược điểm cơ bản trong chiến lược chiến tranh của đối phương. Điều đáng chú ý là trên cơ sở cân nhắc diễn biến quốc tế và cục diện chiến trường lúc bấy giờ, đặt cuộc chiến tranh trong toàn cục, ta không thể và cũng không chủ trương đánh gục đối phương hoàn toàn bằng quân sự, không coi đó là giải pháp duy nhất để kết thúc chiến tranh, vấn đề mấu chốt là làm thất bại ý chí xâm lược của chúng, vô hiệu hóa mục tiêu chiến tranh xâm lược mà chúng đang theo đuổi, chủ động mở lối thoát cho cuộc chiến.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gợi mở: “Để quốc Mỹ chỉ có thể chọn một trong hai con đường: Hoặc là chuẩn bị tinh thần chờ đón một trận Điện Biên Phủ. Hoặc là thi hành đúng

Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, tức là chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam và đình chỉ khiêu khích miền Bắc, rút hết quân đội và vũ khí về Mỹ, để nhân dân miền Nam tự giải quyết việc nội bộ của mình. Nếu đế quốc Mỹ khôn hồn theo con đường thứ hai, nhân dân Việt Nam sẽ sẵn sàng hoan tống họ một cách lịch sự⁴. Người chỉ thị: “Đối với Mỹ phải có cách chủ động để đi tới cho nó rút ra, vì rất phức tạp. Một tay đánh, một tay mở cho nó ra, trước cửa cần có rèm chống”⁵.

Các cuộc tiến công ngoại giao của Việt Nam từ tháng 1-1967 buộc địch xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán hai bên khi ta chưa tung ra quả đấm chiến lược về quân sự là một bước thắng lợi của Việt Nam. Sự sáng tạo, khôn khéo, dùng biện pháp đấu tranh hòa bình chống lại biện pháp chiến tranh hủy diệt cường độ cao, lấy đối thoại hòa bình thay cho đối đầu quân sự, tạo sự hỗ trợ tích cực cho chiến trường trước và sau Tết Mậu Thân là một biểu hiện rõ nét quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về tìm giải pháp sớm kết thúc chiến tranh. Thúc đẩy đối phương phải ngồi vào bàn đàm phán hai bên, ngoài cơ chế quan hệ nước lớn và Liên Hợp quốc, là một thắng lợi lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và của ngoại giao Việt Nam. Thế trận đánh - đàm đã buộc đối phương bộc lộ chỗ yếu nhất trong chiến lược chiến tranh, tạo thời cơ để ta phát huy hết sức mạnh chính nghĩa; phối hợp chính trị - quân sự - ngoại giao và kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại.

Sau gần 5 năm đấu tranh quyết liệt trên bàn đàm phán, Hội nghị Paris đã ghi nhận trí tuệ lớn Việt Nam: biết kiên cường chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc và cũng biết kết thúc cuộc chiến tranh ấy một cách có lợi nhất cho dân tộc, thu giang sơn về một mối, hợp với xu thế thời đại.

Điểm nổi bật của Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam như đã tổng kết “Quân Mỹ rút ra, quân ta ở lại”. H.Kissinger, cố vấn đặc biệt của phái đoàn Mỹ tại hòa đàm Paris, khi so sánh với tình thế châu Âu sau Chiến tranh thế giới II và Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), đã nhận xét: “Hòa bình được lập lại từ lâu, nhưng hai thể hệ quân nhân Mỹ còn đóng lại ở châu Âu; đình chiến ở Triều Tiên đã được quân Mỹ bảo vệ trong hơn 40 năm qua. Chỉ riêng ở Việt Nam, do bất đồng trong nội bộ dồn ép, Mỹ đã ký thỏa thuận không để lại số quân còn lại sau cùng, tự mình tước bỏ giới hạn an toàn khi cần phải bảo vệ Hiệp định...”⁶.

Nếu khi bắt đầu cuộc chiến, Mỹ và nguy quyền Sài Gòn muốn xóa bỏ Hiệp định Geneve năm 1954, kéo dài biên giới của Mỹ đến vĩ tuyến 17 như Ngô Đình Diệm đã tuyên bố, thì tại Hiệp định Paris năm 1973, trong Điều 1, Chương I, họ phải xác nhận: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng nền độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia của Việt Nam như đã thừa nhận ở Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam năm 1954”⁷.

Hiệp định Paris với khung pháp lý rõ ràng, chặt chẽ đã tạo tiền đề để ngăn chặn khả năng phá hoại Hiệp định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. H.Kissinger đã biện bạch: “Chúng ta có quyền và đương nhiên có trách nhiệm bảo vệ một hiệp định mà để đe dọa nó, 50 nghìn quân Mỹ đã tử trận. Nếu không như thế thì bất kỳ hiệp định hòa bình nào với Mỹ cũng giống như hợp pháp hóa sự khuất phục. Những điều khoản không được bảo vệ cũng ngang bằng với sự đầu hàng”. Cuối cùng H.Kissinger phải kết luận: “Tất nhiên, năm 1975, nỗ lực của Mỹ ở Đông Dương đã kết thúc bằng một cuộc tháo chạy”⁸. Tổng thống G.Ford, ngày 23-3-1975, tuyên bố: Cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ.

Mỹ không thể giúp người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang chờ họ. Đó phải chăng là lời thú nhận thất bại cơ bản về mục tiêu chiến tranh của Mỹ?

Có thể thấy thành quả to lớn, nổi bật của ngoại giao và vận động quốc tế trong giai đoạn 1954-1975, đó là: Chưa bao giờ cách mạng nước ta có được sự ủng hộ chí tình, rộng lớn và bền vững của lực lượng lớn đồng minh, bạn bè gần xa như trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Cũng chưa bao giờ trong quan hệ quốc tế, cuộc chiến đấu của một dân tộc nhỏ chống lại chiến tranh xâm lược của một cường quốc hàng đầu thế giới để vì độc lập, hòa bình, thống nhất lại nhận được sự quan tâm, ủng hộ bền bỉ, mạnh mẽ đến như vậy. Đây là lần thứ hai trong thế kỷ XX, chính các tầng lớp nhân dân trong lòng đế quốc xâm lược đã đứng lên phản đối, chống lại mục tiêu chiến tranh của giới cầm quyền hiếu chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa vì độc lập tự do, hòa bình của một dân tộc nhỏ chống “đế quốc to”.

2. Một số kinh nghiệm

Thứ nhất, ngoại giao Việt Nam luôn luôn giữ vững nguyên tắc hòa bình, độc lập dân tộc, kiên trì kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh pháp lý, phát huy chính nghĩa.

Nắm vững pháp lý Hiệp định Geneve và pháp lý quốc tế, tập trung tấn công vào những điểm yếu nhất của đối phương, ngoại giao góp phần làm phá sản các chiến lược chiến tranh, làm thất bại các thủ đoạn ngoại giao của Mỹ, phối hợp với phong trào chống chiến tranh ở nước Mỹ, phân hóa nội bộ đối phương, cô lập phái hiếu chiến, gây khó khăn cho chính quyền Mỹ trên trường quốc tế.

Phát huy thế mạnh về chính nghĩa của ta, khoét sâu thế yếu của địch về phi nghĩa, phi

pháp và phi đạo lý, kiên trì giữ vững nguyên tắc “hòa bình, hòa hiếu, chính nghĩa và pháp lý Geneve” trong tất cả các đòn tấn công ngoại giao. Đây là nguyên nhân khiến các giải pháp của ta luôn “có lý, có tình”, phục vụ đắc lực cho mục tiêu từng giai đoạn và hợp với nguyện vọng của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, do đó có sức mạnh tiến công mãnh liệt, luôn dồn đối phương vào thế bí và tranh thủ được dư luận quốc tế, kể cả dư luận Mỹ. Chính vì vậy, không một đòn ngoại giao nào của ta không làm Mỹ lúng túng đối phó và cuối cùng phải ký Hiệp định Paris, chấp nhận rút toàn bộ quân Mỹ khỏi chiến trường miền Nam Việt Nam, chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam.

Thứ hai, trong đấu tranh ngoại giao, phải luôn phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị.

Việt Nam buộc đế quốc Mỹ phải đương đầu với một thế trận chiến tranh nhân dân toàn diện, trong đó ngoại giao là một mặt trận đấu tranh, một vũ khí tiến công sắc bén trên trường quốc tế.

Thắng lợi của mặt trận quân sự trên các chiến trường, cuộc đấu tranh kiên cường của các tầng lớp nhân dân miền Nam là nhân tố quyết định, hậu thuẫn cho đấu tranh và thương lượng ngoại giao, cũng như trong vận động, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ quốc tế đối với nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Sự ổn định và thành tựu kinh tế thời chiến của miền Bắc cũng là chỗ dựa vững chắc cho mặt trận ngoại giao.

Đồng thời, đấu tranh ngoại giao đã giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động, thường xuyên phối hợp với hoạt động quân sự; vào những thời điểm khó khăn đã tạo điều kiện cải thiện tương quan lực lượng trên chiến trường và

khi quân sự ở vào thế thắng đã chọn thời điểm thích hợp để đưa ra các đề nghị ngoại giao buộc đối phương phải xuống thang chiến tranh và đạt tới một giải pháp thông qua thương lượng để kết thúc chiến tranh.

Thứ ba, giương cao ngọn cờ chính nghĩa, thúc đẩy và hình thành mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam rộng lớn và mạnh mẽ chưa từng có chống cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ ở cao điểm cũng là lúc mâu thuẫn giữa các nước lớn XHCN phát triển gay gắt; chính quyền Mỹ chủ trương khai thác tình hình bất đồng đó để phục vụ “Việt Nam hóa chiến tranh” và để ra khỏi chiến tranh trên thế mạnh ngoại giao. Việt Nam đã giữ vững độc lập, tự chủ, kiên trì đoàn kết với Liên Xô và Trung Quốc, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của cả hai nước lớn XHCN.

Tuy nhiên, do những hạn chế của hoàn cảnh khách quan, ngoại giao nước ta chưa có điều kiện nghiên cứu sâu và cơ bản về một số vấn đề chính trị thế giới và ngoại giao nước lớn. Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, không phát hiện sớm và đánh giá kịp thời tính chất, khả năng và những giới hạn của quá trình hòa hoãn, cải thiện quan hệ giữa các nước lớn có liên quan tới vấn đề Việt Nam, cũng như các khả năng mà Việt Nam có thể khai thác, vận dụng để phục vụ tốt nhất đấu tranh ngoại giao trong tình hình chính trị quốc tế đã có nhiều chuyển biến.

Thứ tư, giữ vững nguyên tắc, xác định đúng mục tiêu trong từng giai đoạn để thắng từng bước.

Giữ vững nguyên tắc, xác định đúng mục tiêu trong từng giai đoạn là nghệ thuật đấu tranh ngoại giao quan trọng để ta vững vàng trên bàn đàm phán, chủ động, linh hoạt dùng các sách lược, biện pháp, ra các đòn tấn công ngoại giao

kịp thời để từng bước giành những thắng lợi vào những thời điểm thích hợp, từng bước kéo Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Vấn đề nguyên tắc của ta là Mỹ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước và tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam; quân đội miền Bắc ở lại miền Nam. Từ vấn đề nguyên tắc này, ta xác định đúng mục tiêu đấu tranh ngoại giao cho mỗi giai đoạn để thắng từng bước. Từ vấn đề nguyên tắc này, ta ra các đòn ngoại giao sắc sảo, nhất quán nên tạo được sức ép của dư luận quốc tế và của phong trào phản chiến ở Mỹ lên chính phủ Mỹ. Trong “Giác thư gửi Tổng thống G.Ford”, H.Kissinger phải cay đắng thú nhận: “Bắc Việt Nam không hề thay đổi các mục tiêu ngoại giao mà chỉ thay đổi không đáng kể lập trường ngoại giao của họ. Chỉ với ngoại giao bí mật chúng ta mới có thể hướng tới đối thoại thực sự và thậm chí kể cả trong trường hợp này, Bắc Việt Nam vẫn khiến chúng ta phải liên tục chịu sức ép của công luận”⁹.

Thứ năm, luôn giữ độc lập tự chủ và thế chủ động trong đấu tranh ngoại giao.

Trong đấu tranh quân sự cũng như đấu tranh ngoại giao, việc tạo ra và giữ thế chủ động, bày thế trận để địch đi vào mà đánh là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi. Ta luôn chủ động xác định đúng nội dung đấu tranh ngoại giao phù hợp với tương quan lực lượng trên chiến trường. Ngoại giao nhà nghề của Mỹ mặc dù có sự hậu thuẫn đắc lực của tiềm lực to lớn về quân sự và kinh tế nhưng vẫn buộc phải từng bước xuống thang, chấp nhận thua trên bàn đàm phán trước ngoại giao chính nghĩa Việt Nam. Lập trường bốn điểm của Việt Nam ngày 8-4-1965 giành thế chủ động cho ngoại giao Việt Nam, giương cao pháp lý Geneve 1954 đập tan chiến dịch ngoại giao bịp bợm “vì hòa bình” của đế

quốc Mỹ. Trong bối cảnh các nước lớn đều gây sức ép với ta: Mỹ yêu cầu “đàm phán vô điều kiện”, “Liên Xô muốn thúc đẩy ta đàm phán với Mỹ và muốn làm trung gian, còn Trung Quốc thì lúc đầu chưa tán thành ta đàm phán”¹⁰, ta đã giữ vững độc lập tự chủ, ra các đòn ngoại giao tháng 2 và tháng 12-1967 nêu bật thời điểm mở đàm phán là khi Mỹ chấm dứt vô điều kiện ném bom và bắn phá miền Bắc Việt Nam. Các đòn ngoại giao tiếp theo của ta buộc Mỹ phải chấp nhận đòi hỏi của ta về chấm dứt ném bom trên toàn miền Bắc, thời gian mở Hội nghị Paris, thành phần tham gia, vấn đề và nội dung đàm phán. Với Giải pháp toàn bộ mười điểm ngày 8-5-1969, ta chủ động bày thế trận ngoại giao, xoáy vào những vấn đề cơ bản mà hai bên cùng quan tâm. Với các đề nghị tiếp theo, ta chủ động yêu cầu Mỹ định thời hạn rút quân và cam kết cùng với việc Mỹ rút hết quân, ta sẽ trả hết tù binh Mỹ để ép Mỹ và thúc đẩy phong trào phản chiến ở Mỹ. Với Dự thảo Hiệp định ngày 8-10-1972, ta đã chủ động buộc Mỹ thảo luận và ký Hiệp định trên cơ sở đề xuất của Việt Nam. Đây là sự phát triển nhảy vọt của ngoại giao Việt Nam so với Hội nghị Geneve năm 1954. Mặt khác, ta bác bỏ những đề nghị của Mỹ qua trung gian, khéo léo từ chối gợi ý của Trung Quốc và Liên Xô về việc tổ chức các cuộc gặp của Cố vấn Lê Đức Thọ với H.Kissinger tại Bắc Kinh và Mátxcova dịp Nixon thăm hai nơi này¹¹. Ta chủ động tiến hành các biện pháp tránh quốc tế hóa cuộc đàm phán ở Paris.

Rút kinh nghiệm Hội nghị Geneve năm 1954 về Đông Dương, ngoại giao thời chống Mỹ đã thể hiện rõ vai trò tích cực, chủ động và sáng tạo. Tại đàm phán Paris, Việt Nam giữ vững độc lập, tự chủ, đàm phán trực tiếp với Mỹ. Việt Nam đã chọn thời điểm và phương thức đấu tranh phù hợp, thực hiện được cam kết với anh

em và bầu bạn quốc tế “Việt Nam biết đánh và biết kết thúc chiến tranh”.

Trong cuộc đấu đầu lịch sử lớn nhất của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX, ngoại giao Việt Nam đã trưởng thành vượt bậc về các mặt, trong đó có nhiệm vụ tham mưu và năng lực triển khai các chủ trương, đối sách của Đảng và Nhà nước trên mặt trận đối ngoại, đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Thành tựu và bài học kinh nghiệm giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường với mở rộng quan hệ quốc tế, gắn cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc với xu thế bên ngoài và nhạy bén chuyển thế trận giành thắng lợi quyết định trên mặt trận ngoại giao giai đoạn chống Mỹ, cứu nước trở thành nền tảng vững chắc và bài học vô giá về thực thi đường lối đối ngoại trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế để xây dựng đất nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2003, T. 28, tr. 174

2, 3. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 63, 61

4. *Sđđ*, T. 14, tr. 502

5. *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, H, 1990, tr. 223-224

6, 7, 8. Kissinger, H: *Diplomacy*, New York: Touchstone Book, 1994, p. 691, 695, 696

9, 10. Bộ Ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 548- 549, 74

11. Xem: *Sđđ*, tr. 74-75.